TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2023/DS-PT
Ngày 15-03-2023
V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Thu

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Vân Thúy

Bà Bùi Thị Thu Hằng

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Nguyễn Ngọc Khánh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hinh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 03 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 89/2022/TLPT-DS ngày 10 tháng 11 năm 2022 về việc: Tranh chấp hợp đồng dịch vụ.

Do bản án Dân sự sơ thẩm số 46/2022/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 92/2022/QĐ-PT ngày 30 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm 16/2023/QĐ-PT ngày 16 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty B (viết tắt là Công ty B); trụ sở: Đường T, phường T, quận H, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Phạm Thanh T; địa chỉ: Số Phường T, quận H, thành phố Hải Phòng; là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 01 tháng 01 năm 2019); có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trần Thị Thùy L - Luật sư Công ty Luật TNHH La Haye thuộc Đoàn luật sư thành phố Hải Phòng; có mặt;

2. Bị đơn: Ông Phạm Chiến T; địa chỉ: Thôn S, xã P, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt;

3. Người kháng cáo: Ông Phạm Chiến T là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 23/4/2018 Công ty B có ký kết hợp đồng thi công xây dựng số 06/BT/Công ty B/2018 với bị đơn là ông Phạm Chiến T để thi công xây dựng căn biệt thự 02 tầng 01 tum tại địa chỉ thôn Sỏ, xã Phục Lễ, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng bắt đầu từ cốt 0.00, không thi công phần móng nhà. Giá trị hợp đồng chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng là 1.000.000.000 đồng. Phương thức thanh toán: Thanh toán làm 5 đợt mỗi đợt 200.000.000 đồng. Cụ thể, ngay khi ký kết hợp đồng ông Phạm Chiến T ứng trước 10%, ngày 30/4/2018 ứng tiếp 100.000.000 đồng và các đợt tiếp theo vào ngày 30 dương lịch hàng tháng của tháng tiếp theo. Khi đang thi công theo hợp đồng số 06/BT/Công ty B/2018 do vợ ông Phạm Chiến T bị bệnh nên ông Phạm Chiến T đề nghị bằng miệng Công ty B thi công trọn gói bao gồm cả vật tư và nhân công các phần còn lại của công trình bao gồm: Phần thô phát sinh gồm đổ bê tông sàn 2, quả cầu, đắp phù điêu chân cột, phần hoàn thiện gồm lắp thiết bị điện thông minh, thiết bị mạng internet, camera giám sát, điều hòa, vật tư, nhân công điện nước, ốp lát toàn bộ nhà, sơn bản Bewin cao cấp nội thất và ngoại thất, thiết bị vệ sinh toàn bộ công trình, sơn bả thạch cao và phào chỉ PS Hàn Quốc toàn bộ công trình, tiểu cảnh trong nhà, lắp đặt nội thất mành rèm, lắp đặt lan can, ban công cơ khí mỹ thuật, ốp đá granit cầu thang, sảnh, bậc tam cấp, lắp đặt cửa nhôm kính và các phần khác phát sinh của công trình. Công ty B đã đồng ý, đã thuê các đơn vị khác nhau để cùng thực hiện. Tổng giá trị mà Công ty Công ty B đã thi công là 3.462.145.428 đồng, trong đó phần thi công theo hợp đồng số 06/BT/Công ty B/2018 là 1.000.000.000 đồng và giá trị các gói phát sinh phần thô và phần hoàn thiện là 2.462.145.428 đồng. Trong đó phần thi công các gói phát sinh phần thô và phần hoàn thiện có giá trị như sau: Gói thô là phù điêu chân cột, sàn mái 3, quả cầu là 550.000.000 đồng; hạng mục phát sinh khác là thiết kế 2D-3D, tư vấn giám sát, nhân công khoán, trát, tường bao, hố ga, láng đáy, lát gạch bờ sông, làm cos trác đạc sân vườn, nhân công lắp đặt lại hệ thống điện nước bếp, điện nước tiểu cảnh tầng 1 là 180.805.000 đồng; gạch ốp lát 210.851.308 đồng; thiết bị WC 96.900.000 đồng; sơn bả Bewin cao cấp 392.379.200 đồng; sơn bả, thạch cao, phào chỉ PS Hàn Quốc 221.657.000 đồng; tiểu cảnh trong nhà 116.000.000 đồng; nội thất, mành rèm 190.190.000 đồng; lan can, ban công cơ khí mỹ thuật 91.575.000 đồng; đá granite cầu thang, sảnh, bậc tam cấp 286.937.400 đồng; cửa nhôm kính 124.850.520 đồng. Tính đến ngày 18/12/2019 ông Phạm Chiến T mới thanh toán trực tiếp cho Công ty B số tiền là 1.365.000.000 đồng (có chứng từ), ứng cho đội thợ xây dựng là 1.000.000.000 đồng (không có chứng từ), tổng cộng là 2.365.000.000 đồng. Tổng số tiền ông Phạm Chiến T còn chưa thanh toán cho Công ty B là 1.097.145.428

đồng. Công ty B đã nhiều lần làm việc với ông Phạm Chiến T để chốt công nợ và yêu cầu thanh toán số tiền còn lại nhưng không được. Số tiền 5% bảo hành công trình là 162.564.706 đồng. Vì vậy Công ty B đề nghị Tòa án buộc ông Phạm Chiến T phải trả ngay cho Công ty B số tiền 934.580.722 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 26/9/2022 cho đến khi trả xong toàn bộ số tiền trên theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước, không đề nghị giải quyết chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

Bị đơn và người đại diện theo ủy quyền thống nhất trình bày:

Thừa nhận nội dung bản hợp đồng thi công xây dựng số 06/BT/Công ty B/2018 được ký kết ngày 23/4/2018 giữa ông Phạm Chiến T và Bee House, ông Phạm Chiến T đề nghị Công ty B thi công trọn gói bao gồm cả vật tư và nhân công các phần còn lại của công trình bao gồm: Phần thô phát sinh gồm đổ bê tông sàn 2, quả cầu, đắp phù điêu chân cột, phần hoàn thiện gồm lắp thiết bị điện thông minh, thiết bị mạng internet, camera giám sát, điều hòa, vật tư, nhân công điện nước, ốp lát toàn bộ nhà, sơn bả Bewin cao cấp nội thất và ngoại thất, thiết bị vệ sinh toàn bộ công trình, sơn bả thạch cao và phào chỉ PS Hàn Quốc toàn bộ công trình, tiểu cảnh trong nhà, lắp đặt nội thất mành rèm, lắp đặt lan can, ban công cơ khí mỹ thuật, ốp đá granit cầu thang, sảnh, bậc tam cấp, lắp đặt cửa nhôm kính và các phần khác phát sinh của công trình như Công ty B trình bày là đúng. Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty B đã xây dựng như hợp đồng nhưng chưa làm hoàn thiện như điện nước chưa sử dụng được và phần mái vát bị thấm dột. Ngày 22/7/2019 hai bên đã thống nhất thanh toán xong số tiền của hợp đồng thi công xây dựng số 06/BT/Công ty B/2018 là 900.000.000 đồng. Sau đó ông Phạm Chiến T và Công ty B đã thỏa thuận với nhau là Công ty B sẽ thi công các hạng mục đắp phù điêu, ngói vây cá, đắp phù điêu mặt cột, đổ bê tông phần thô sàn phẳng, phần thô quả cầu. Khi hoàn thiện hai bên sẽ đo khối lượng thực tế và nhân với đơn giá để làm cơ sở thanh toán. Gói thô là phù điêu chân cột, sàn mái 3, quả cầu Công ty B yêu cầu thanh toán là 550.000.000 đồng, ông Phạm Chiến T đồng ý thanh toán 445.000.000 đồng. Hạng mục phát sinh khác là thiết kế 2D-3D, tư vấn giám sát, nhân công khoán, trát, tường bao, hố ga, láng đáy, lát gạch bờ sông, làm cos trác đạc sân vườn, nhân công lắp đặt lại hệ thống điện nước bếp, điện nước tiểu cảnh tầng 1 Công ty B yêu cầu thanh toán là 180.805.000 đồng, ông Phạm Chiến T đồng ý thanh toán 39.937.200 đồng. Gạch ốp lát Công ty B yêu cầu thanh toán là 210.851.308 đồng, ông Phạm Chiến T đồng ý thanh toán 147.666.750 đồng. Thiết bị WC Công ty B yêu cầu thanh toán là 96.900.000 đồng, ông Phạm Chiến T không đồng ý thanh toán do đơn giá quá cao so với thực tế và không cung cấp đúng chủng loại. Sơn bả Bewin cao cấp Công ty B yêu cầu thanh toán là 392.379.200 đồng, ông Phạm Chiến T đồng ý thanh toán 117.659.500 đồng. Sơn bả, thạch cao, phào chỉ PS Hàn Quốc Công ty B yêu cầu thanh toán là 221.657.000

đồng, ông Phạm Chiến T đồng ý thanh toán là 221.657.000 đồng. Tiểu cảnh trong nhà Công ty B yêu cầu thanh toán là 116.000.000 đồng, ông Phạm Chiến T đồng ý thanh toán 62.600.000 đồng. Nội thất, mành rèm Công ty B yêu cầu thanh toán là 190.190.000 đồng, ông Phạm Chiến T đồng ý thanh toán 67.605.000 đồng. Lan can, ban công cơ khí mỹ thuật Công ty B yêu cầu thanh toán là 91.575.000 đồng, ông Phạm Chiến T đồng ý thanh toán 54.244.000 đồng. Đá granite cầu thang, sảnh, bậc tam cấp Công ty B yêu cầu thanh toán là 286.937.400 đồng, ông Phạm Chiến T đồng ý thanh toán 220.002.813 đồng. Cửa nhôm kính Công ty B yêu cầu thanh toán là 124.850.520 đồng, ông Phạm Chiến T đồng ý thanh toán 109.415.000 đồng. Đối với gói thiết bị điện nước, điện thông minh chấp nhận và đã thanh toán đủ cho Công ty B số tiền là 97.390.400 đồng. Tổng số tiền ông Phạm Chiến T đã tạm ứng cho Công ty B là 2.568.099 đồng. Hai bên đã thống nhất với nhau được đơn giá của đồng thi công xây dựng số 06/BT/Công ty B/2018 và gói thô là phù điêu chân cột, sàn mái 3, quả cầu. Đối với một số hạng mục khác thì hai bên chưa thống nhất được số tiền thanh toán. Số tiền thực tế ông Phạm Chiến T đã thanh toán cho Công ty B vẫn còn dư. Sau khi công trình đưa vào sử dụng một số hạng mục phải sửa chữa, ông Phạm Chiến T đã nhiều lần yêu cầu Công ty B phải khắc phục nhưng phía Công ty B không khắc phục nên ông Phạm Chiến T đã phải thuê người đến sửa chữa và khắc phục. Vì vậy ông Phạm Chiến T không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Công ty B là phải trả số tiền 934.580.722 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 26/9/2022 cho đến khi trả xong toàn bộ số tiền trên theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước, yêu cầu Công ty B phải trả lại cho ông Phạm Chiến T số tiền ứng còn dư và số tiền ông Phạm Chiến T đã bỏ ra để khắc phục sửa chữa là 616.833.391 đồng, phạt chậm tiến độ thi công ảnh hưởng tới sinh hoạt của gia đình.

Với nội dung như trên, tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 46/2022/DS-ST ngày 29/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông Phạm Chiến T phải trả cho Công ty B số tiền là 934.580.722 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo đối với các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04 tháng 10 năm 2022, bị đơn ông Phạm Chiến T có đơn kháng cáo Bản án dân sự số 46/2022/DS-ST ngày 29/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; kháng cáo toàn bộ

nội dung bản án, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận quan điểm của bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn ông Phạm Chiến T xuất trình tài liệu, chứng cứ mới là bản Quyết toán công trình ngày 06/9/2019 của Công ty B gửi cho bị đơn; trong đó ghi số tiền ông T đã ứng trực tiếp cho ông Tuyên (đội xây dựng), không có chứng từ là 1.150.000.000 đồng và giấy nộp tiền do bà Đàm Thị Yên (vợ ông T) chuyển khoản vào tài khoản của ông Đào Quốc Tuấn (Giám đốc Công ty B) số tiền 100.000.000 đồng, mục đích trả tiền nhân công; đã được Vietinbank chi nhánh Hải Phòng xác nhận là giao dịch chuyển tiền vào ngày 18/5/2018

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Trong các bản hồ sơ thanh toán mà ông T gửi cho Công ty B vào tháng 9/2019 và ngày 21/10/2019 đều thể hiện tổng tiền bị đơn đã ứng cho Công ty B chỉ có 2.568.099.000 đồng.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Công ty B và bị đơn ông Phạm Chiến T thống nhất số tiền bị đơn đã tạm ứng cho nguyên đơn để thi công xây dựng là 2.568.099.000 đồng; các bên thống nhất không yêu cầu tiền lãi của số tiền chưa thanh toán theo hợp đồng và 5% tiền bảo hành công trình; đồng thời thống nhất thỏa thuận số tiền còn lại bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn theo hợp đồng thi công công trình xây dựng số 06/BT/Công ty B/2018 ngày 23/4/2018 và thỏa thuận hợp đồng giữa hai bên về hoàn thiện công trình nhà ở biệt thự 02 tầng 01 tum tại thôn Sỏ, xã Phục Lễ, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng là 731.482.000 đồng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không có lý do dù đã được triệu tập hợp lệ.

Quan điểm của Kiểm sát viên đối với kháng cáo của nguyên đơn: Do tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn đã thống nhất thỏa thuận số tiền còn lại bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn theo hợp đồng thi công hoàn thiện công trình nhà ở biệt thự 02 tầng 01 tum tại thôn Sỏ, xã Phục Lễ, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng là 731.482.000 đồng. Việc thỏa thuận này của các đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên cần căn cứ Điều 300; khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Về án phí: Các đương sự không thỏa thuận được về án phí nên bị đơn ông Phạm Chiến T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 33.259.280 đồng và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Nguyên đơn Công ty Công ty B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ cũng như lời trình bày của các đương sự và đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Quan hệ tranh chấp của vụ án là tranh chấp hợp đồng dịch vụ (hợp đồng xây dựng) theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do vụ án có kháng cáo nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

[2] Tài liệu có trong hồ sơ, lời khai của đương sự thể hiện giữa nguyên đơn và bị đơn ngày 23/4/2018 đã ký kết hợp đồng thi công xây dựng số 06/BT/Công ty B/2018 để thi công xây dựng căn biệt thư 02 tầng 01 tum tại địa chỉ thôn Sỏ, xã Phục Lễ, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng bắt đầu từ cốt 0.00, không thi công phần móng nhà. Khi đang thi công theo hợp đồng số 06/BT/Công ty B/2018 ông Phạm Chiến T đề nghị Công ty B thi công trọn gói bao gồm cả vật tư và nhân công các phần còn lại của công trình. Tổng giá trị mà Công ty Công ty B đã thi công là 3.462.145.428 đồng, trong đó phần thi công theo hợp đồng số 06/BT/Công ty B/2018 là 1.000.000.000 đồng và giá trị các gói phát sinh phần thô và phần hoàn thiện là 2.462.145.428 đồng. 5% tiền bảo hành công trình là 162.564.706 đồng (trừ vật tư gạch ốp lát không bảo hành). Do thực tế có một số hạng mục phải sửa chữa nên nguyên đơn không được trả lại tiền bảo hành công trình. Theo các tài liệu chứng cứ mới cung cấp tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và bị đơn thống nhất số tiền ông Phạm Chiến T đã tạm ứng cho Công ty B là 2.568.099.000 đồng và số tiền còn lại hai bên thống nhất bị đơn ông Phạm Chiến T có trách nhiệm trả cho nguyên đơn Công ty B số tiền còn lại chưa thanh toán theo hợp đồng xây dựng giữa hai bên là 731.482.000 đồng (làm tròn). Do tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của họ là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Vì vậy, căn cứ Điều 300; khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[3] Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã có một số vi phạm về tố tụng, cần nghiêm túc rút kinh nghiệm: Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ nhưng biên bản sơ sài, không mô tả tài sản cần xem xét thẩm định tại chỗ. Khi tiến hành định giá, Tòa án không yêu cầu Hội đồng định giá cần

định giá theo từng hạng mục công trình mà các bên đang có tranh chấp về giá hoặc hạng mục bị đơn cho rằng không đảm bảo chất lượng, đã tiến hành sửa chữa hoặc làm mới lại. Trường hợp Hội đồng định giá không định giá được theo yêu cầu của Tòa án hoặc đương sự thì phải có văn bản trả lời. Tòa án sơ thẩm thụ lý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty B về đòi số tiền lãi của tiền số còn lại của hợp đồng xây dựng giữa hai bên nhưng nguyên đơn chỉ yêu cầu chung chung là tiền lãi phát sinh kể từ ngày 26/9/2019 (bản án sơ thẩm ghi nhầm là ngày 26/9/2022) cho đến khi trả xong toàn bộ số tiền còn lại theo hợp đồng theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định; Tòa án sơ thẩm đã không yêu cầu nguyên đơn xác định cụ thể tiền lãi và không cho nộp tạm ứng án phí đối với yêu cầu khởi kiện về tiền lãi là thiếu sót mặc dù Tòa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu tiền lãi của nguyên đơn. Phần quyết định của bản án sơ thẩm cũng thiếu sót khi không quyết định về yêu cầu này. Ngày 02/3/2020 bị đơn có đơn phản tố về việc đã ứng thừa tiền và yêu cầu nguyên đơn trả lại số tiền 616.833.391 đồng nhưng Tòa án sơ thẩm không thụ lý yêu cầu phản tố này của bị đơn là thiếu sót mặc dù không chấp nhận yêu cầu của bị đơn.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

[4] Căn cứ khoản 5 Điều 29 Nghị quyết Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; các đương sự không thỏa thuận được về án phí nên bị đơn ông Phạm Chiến T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là: 20.000.000 đồng x 4% (731.482.000 đồng - 400.000.000 đồng) = 33.259.280 đồng. Nguyên đơn Công ty Công ty B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 20.020.000 đồng.

- Về án phí dân sự phúc thẩm:

[5] Bị đơn ông Phạm Chiến T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 38; Điều 300; khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 385; 513; 514; 519 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các điều 112; 113; 125; 138; 139 của Luật Xây dựng năm 2014 sửa đổi bổ sung năm 2016

Căn cứ khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Sửa bản án sơ thẩm số 46/2022/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa:

Bị đơn ông Phạm Chiến T phải trả cho Công ty B số tiền còn lại của hợp đồng thi công công trình xây dựng số 06/BT/Công ty B/2018 ngày 23/4/2018 và thỏa thuận hợp đồng giữa hai bên về hoàn thiện công trình nhà ở biệt thự 02 tầng 01 tum tại thôn Sỏ, xã Phục Lễ, huyện Thủy Nguyên, thành phố hải Phòng là 731.482.000 đồng (Bảy trăm ba mươi mốt triệu bốn trăm tám mươi hai nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm:

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại Công ty B số tiền tạm ứng phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 20.020.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000604 ngày 19 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

Bị đơn ông Phạm Chiến T phải chịu 33.259.280 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0008191 ngày 06 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Ông T còn phải nộp 33.259.280 (Ba mươi ba triệu hai trăm năm mươi chín nghìn hai trăm tám mươi) đồng án phí dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- TAND huyện Thủy Nguyên,

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên,
thành phố Hải Phòng;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên,
thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

Nguyễn Minh Thu